

Bản án số: 232/2021/HS-ST
Ngày: 02/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đoàn Văn Minh;

- Ông Bùi Bá Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần H1, Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 225/2021/TLST-HS ngày 18/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2021/QĐXXST-HS ngày 17/9/2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H; Sinh năm: 1991; Giới tính: Nữ; HKTT và chỗ ở: Thôn Hoàng Trung, xã HD, huyện TO, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Trọng Trường; Con bà: Đỗ Thị Loan; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng, con: không; Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Danh chỉ bản số: 371, lập ngày 20/5/2021, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

2. Họ và tên: Trần Thị D; Sinh năm: 1982; Giới tính: Nữ; HKTT và chỗ ở: Tiểu khu 5, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông:

Trần Văn Th; Con bà: Vy Thị Đ; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Chồng, con: Không;

Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số: 57/2014/HSST ngày 29/8/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt Trần Thị D 09 tháng tù, về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Ra trại ngày 31/12/2014 (*Đã được xóa án tích*).

Danh chỉ bản số: 372, lập ngày 20/5/2021, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

(*Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Hà Văn H1 (*Tên gọi khác: Hà Văn H2*); Sinh năm: 1981; Hộ khẩu thường trú: Khu 8, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

(*Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 ngày 09/5/2021, Tổ công tác Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra hành chính khách sạn HT, tại địa chỉ: Ngõ 54, đường Lê Quang Đạo, phường P, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội phát hiện có 03 đôi nam nữ đang có hành vi mua bán dâm, cụ thể như sau:

Tại phòng 202: Nguyễn Thị Thu H đang bán dâm cho Hà Văn H2 (*Sinh năm: 1981; HKTT: Xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ*), tạm giữ 01 bao cao su chưa qua sử dụng;

Tại phòng 501: Bàn Mùi D (*Sinh năm: 2002; HKTT: Xã K, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng*) đang bán dâm cho Hà Trọng T (*Sinh năm: 1989; HKTT: Xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ*), tạm giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng;

Tại phòng 502: Trần Thị D (*Sinh năm: 1982; HKTT: Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn*) đang bán dâm cho Nguyễn Ngọc Th (*Sinh năm: 1986; HKTT: Phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội*), tạm giữ 01 bao cao su chưa qua sử dụng.

Tổ công tác đã lập biên bản và dẫn giải người liên quan cùng vật chứng về trụ sở Công an để điều tra làm rõ.

Vật chứng tạm giữ của Nguyễn Thị Thu H: 01 điện thoại Realme và số tiền 11.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười một triệu đồng*); Tạm giữ của Hà Văn H2: 01 điện thoại Samsung; Tạm giữ của Trần Thị D: 01 điện thoại Iphone 5.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 10 giờ ngày 08/5/2021, Hà Văn H2, Hà Trọng T và Nguyễn Ngọc Th là bạn bè rủ nhau đi uống nước tại đường Lưu Hữu Phước, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tại đây cả ba rủ nhau góp tiền để đi mua sâm. H2 có lấy điện thoại mở ứng dụng Zalo gọi cho Nguyễn Thị Thu H rủ H đi ăn sau đó đi quan hệ tình dục vào ngày 09/5/2021. Khi nghe điện thoại, H nói sẽ rủ thêm hai bạn gái nữa để đi ăn sau đó đi bán sâm với nhóm của H2, giá bán sâm là 3.500.000 đồng/người. H2, Th, T đồng ý và hẹn H trưa ngày 09/5/2021 sẽ gặp nhau. H gọi Zalo cho D và nói có khách mua sâm cần hai người đi ăn sau đó bán sâm cho khách vào ngày 09/5/2021 với giá bán sâm là 3.500.000 đồng/người, nh1 H cắt lại 1.000.000 đồng tiền môi giới mỗi khách, D đồng ý. Sau đó, D nói lại với Bàn Mùi D (*Sinh ngày 09/10/2002; Địa chỉ: Xã K, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, là bạn của D*) là có khách hỏi mua sâm và rủ D đi bán sâm cùng D với giá là 2.500.000 đồng, D đồng ý. D đã gọi điện lại cho H và nói có thêm D cùng đi bán sâm. Khoảng 10 giờ ngày 09/5/2021, D và D bắt taxi đến khu vực Đình Thôn, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội gặp H và cả ba cùng lên taxi đến quán ăn ở địa chỉ: Số 1A, Lê Quang Đạo, phường P, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội gặp nhóm của H2, T, Th và cùng ngồi ăn uống đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì Th, T mỗi người đưa cho H2 4.000.000 đồng để H2 trả tiền ăn và tiền đi mua sâm. H2 cầm tiền và Th toán tiền ăn, sau đó đưa cho H 8.000.000 đồng, gồm: 7.000.000 đồng tiền mua sâm trả cho D và D, còn lại 1.000.000 đồng là tiền công môi giới của H. Sau đó cả nhóm đi taxi đến nhà trọ HT, địa chỉ tại: Ngõ 54, đường Lê Quang Đạo, phường P, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tại đây, H và H2 vào phòng 202, khi vào trong phòng H2 đưa cho H 3.000.000 đồng tiền mua sâm; D và Th vào phòng 502; D và T vào phòng 501 để mua bán sâm. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác Công an quận Nam Từ Liêm tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện, bắt giữ các đối tượng cùng vật chứng.

Đối với khách sạn HT do ông Cao Văn Th (*Sinh năm: 1976; HKTT: Phường P, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*) là đại diện hộ kinh doanh nhà trọ HT, đã có hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua bán sâm ở cơ sở do mình quản lý. Do đó, ngày 14/6/2021, UBND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định xử phạt hành chính số: 1567/QĐ-XPVPHC đối với ông Th, hình thức phạt tiền: 17.500.000đồng (*Bằng chữ: Mười*

bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) và xử phạt bổ sung: Tước giấy phép kinh doanh 09 tháng.

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Ngọc Th, Hà Văn H1 và Hà Trọng T và hành vi bán dâm của Bàn Mùi D đã bị Công an quận Nam Từ Liêm ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 386, 387, 388, 390/QĐ-XPHC ngày 02/7/2021, hình thức phạt tiền đối với Th, H1 và Tuyên, mỗi người 750.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) đối với D.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị D khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số: 224/CT-VKS-NTL ngày 16/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Thu H** về tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Trần Thị D về tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định:

“Điều 328. Tội môi giới mại dâm

1. *Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

.....

đ) Đối với 02 người trở lên;”

Tại phiên tòa:

Các bị cáo: Nguyễn Thị Thu H và Trần Thị D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo đã rất ăn năn, hối cải về hành vi các bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và được cải tạo ngoài xã hội, cũng là bài học để các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và kết luận, giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Trần Thị D về tội: “*Môi giới mại*

dâm” theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo D có 01 lần bị kết án, đã được xóa án tích, sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H mức án từ 40 tháng đến 46 tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 328; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù;

Về hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: 03 bao cao su; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện dùng vào việc phạm tội của các bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm có: 01 điện thoại Realme và số tiền 11.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười một triệu đồng*), tạm giữ của H; 01 điện thoại Iphone 5, tạm giữ của D; 01 điện thoại Samsung, tạm giữ của Hà Văn H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 09/5/2021, tại khách sạn HT, địa chỉ: Ngõ 54, đường Lê Quang Đạo, phường P, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi môi giới cho Trần Thị D bán dâm cho Nguyễn Ngọc Th tại phòng 502 và môi giới cho Bàn Mùi D bán dâm cho Hà Trọng T tại phòng 501. Trần Thị D đã có hành vi môi giới cho Bàn Mùi D bán dâm cho Hà Trọng T tại phòng 501, thì bị Tổ công tác Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn, là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh lành mạnh và đạo đức xã hội chủ nghĩa, gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội, ảnh hưởng đến những quy định của Nhà Nước về phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo H đã có hành vi làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt, tạo điều kiện để bị cáo D và Th, D và T thực hiện việc mua dâm, bán dâm, mục đích do vụ lợi. Bị cáo D đã có hành vi làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt, tạo điều kiện để D và T thực hiện việc mua dâm, bán dâm. Các bị cáo nhận thức rõ việc môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật, nH1 vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Xét thấy, bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo D có 01 lần bị kết án, đã được xóa án tích, sau khi phạm tội và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện ở mục đích phạm tội, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo H từ 40 tháng đến 46 tháng tù; Áp dụng Khoản 1 Điều 328; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo D từ 09 tháng đến 12 tháng tù, là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội các bị cáo gây ra.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Xét các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy: 03 bao cao su; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện dùng vào việc phạm tội của các bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm có: 01 điện thoại Realme và số tiền 11.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười một triệu đồng*), tạm giữ của H; 01 điện thoại Iphone 5, tạm giữ của D; 01 điện thoại Samsung, tạm giữ của Hà Văn H2, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo: **Nguyễn Thị Thu H** và **Trần Thị D** phạm tội: “*Môi giới mại dâm*”;

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 2 Điều 328; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Thu H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2021.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 328; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị D 12**(Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/5/2021.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy: 03 bao cao su; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại Realme; 01 điện thoại Iphone 5; 01 điện thoại Samsung và số tiền 11.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười một triệu đồng) (Có đặc điểm theo Biên bản giao, nhận vật chứng số: 259, đề ngày 17/8/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản đề ngày 18/8/2021, tại Kho bạc Nhà Nước Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136, Khoản 1, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo H, D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

Nơi nhận :

- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- UBND xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Gia đình bị cáo Thúy;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

